

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **205/2020/HNGĐ-ST**

Ngày 17 tháng 11 năm 2020

“V/v xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Cúc

Ông Nguyễn Hoàng Kha

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Cúc – Là thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Trong ngày 17 tháng 11 năm 2020, Tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau. Xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 545/2020/HNGĐ-ST ngày 14 tháng 10 năm 2020 về việc yêu cầu xin ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 830/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Chị Trương Diễm M, sinh năm 1996;

Địa chỉ: Nhà không số, đường H, khóm , phường , thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (Có mặt).

** Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Ấp , xã T, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Chị Trương Diễm M trình bày tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa như sau:*

- Về hôn nhân: Qua tìm hiểu chị M và anh T đến với nhau trên tình thân tự nguyện, có tổ chức kết hôn theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau vào năm 2018.

Thời gian đầu vợ, chồng sống hạnh phúc nhưng về sau vợ, chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ, chồng do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, thường xuyên cự cãi, do anh T không lo cho vợ, con, mặc dù, chị nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh T vẫn không sửa chữa, chị đã cho anh T nhiều lần sửa đổi nhưng không được. Nay xét thấy hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị M yêu cầu xin được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Chị M và anh T có 01 con chung, cháu tên Nguyễn Khánh B, sinh ngày 30/10/2018, hiện cháu đang sống chung với chị M. Khi ly hôn chị yêu cầu nuôi con, yêu cầu anh T cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con tròn 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Chị M xác định không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Chị khai không có

** Đối với anh Nguyễn Văn T trình bày tại biên bản hòa giải như sau:*

-Về thời gian sống chung và nơi đăng ký kết hôn đúng như chị M trình bày. Về nguyên nhân mâu thuẫn theo anh T là đúng, nay anh T còn thương vợ và con, anh xin chị M cho anh T cơ hội để hàn gắn khắc phục sửa chữa, nên yêu cầu ly hôn của chị M anh T không đồng ý.

-Về con chung: Vợ, chồng có con chung là Nguyễn Khánh B, sinh ngày 30/10/2018, hiện con đang sống với chị M. Khi ly hôn chị M yêu cầu nuôi con anh T đồng ý giao con cho chị M nuôi, anh T cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi cháu tròn 18 tuổi.

-Về tài sản chung: Anh T xác định không có tài sản chung.

-Về nợ chung, nợ riêng: Anh T xác định không có nợ ai và không ai nợ lại.

Do công việc bận rộn nên anh T xin Tòa án xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Thủ tục tố tụng: Đối với bị đơn xin vắng mặt, căn cứ theo Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Về nội dung các đương sự tranh chấp được xác định là ly hôn.

[3] Về hôn nhân: Chị M và anh T có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên mối quan hệ hôn nhân của anh, chị được pháp luật công nhận và bảo vệ. Lời trình bày của chị M tại phiên tòa do vợ chồng sống không hợp nhau có nhiều mâu thuẫn, hiện tại anh, chị không còn sống chung với nhau, cả hai không ai quan tâm đến ai cuộc sống riêng mỗi người tự định đoạt, chị xác định cũng không còn tình cảm với anh T. Nếu Tòa án không chấp nhận yêu cầu của chị, thì chị cũng không về chung sống với anh T. Đồng thời, anh T không đến Tòa án để tham gia phiên tòa cho thấy, anh T không có ý thức hàn gắn. Xét thấy tình cảm vợ chồng của anh, chị đã không còn, thì không cùng ý thức để xây dựng một gia đình chung cho nhau, nguyên nhân mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, có cơ sở chấp nhận lời trình bày và yêu cầu của chị M về việc xin ly hôn với anh T.

[4] Về con chung: Chị M và anh T có 01 người con chung là Nguyễn Khánh B, sinh ngày 30/10/2018, hiện cháu đang sống với chị M. Khi ly hôn chị M yêu cầu nuôi con anh T đồng ý giao con cho chị M nuôi, anh T cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi cháu tròn 18 tuổi.

Thỏa thuận của anh T và chị M về việc nuôi con là phù hợp, nên tiếp tục giao cháu Nguyễn Khánh B cho chị M nuôi dưỡng, anh T cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng, cho đến khi cháu tròn 18 tuổi.

[5] Về tài sản chung: Chị M, anh T khai không có, nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

[6] Về nợ chung, nợ riêng: Không có

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 27, 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Nghị quyết 326/20016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Trương Diễm M về việc xin ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Khánh B, sinh ngày 30/10/2018 cho chị M nuôi con.

Anh Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi cháu tròn 18 tuổi.

Thời hạn cấp dưỡng khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày đương sự có đơn yêu cầu thi hành án đương sự có nghĩa vụ không thi hành số tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi của số tiền chậm thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

Anh T không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản, ngược lại anh T không được lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chị M nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

2. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình: Chị M phải nộp số tiền 300.000 đồng, ngày 05/10/2020 chị M đã dự nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000đ theo biên lai số 0002467 được giữ y, sung vào công quỹ Nhà nước.

Án phí cấp dưỡng anh Nguyễn Văn T phải nộp 300.000 đồng (chưa nộp).

Chị Trương Diễm M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Tân Thành, tp. Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- Đương sự;
- Lưu Hồ sơ,
- Lưu Tòa án Tp Cà Mau

Đã ký

Nguyễn Thị Thắm